

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của  
HĐND tỉnh và xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi đầu tư  
phát triển từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung trên địa bàn tỉnh  
Quảng Nam giai đoạn 2021-2025**

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh và xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi đầu tư phát triển nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, như sau:

**Phần thứ nhất**

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT  
SỐ 183/2015/NQ-HĐND NGÀY 11/12/2015 CỦA HĐND TỈNH VỀ  
NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI ĐẦU TƯ  
PHÁT TRIỂN NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN  
TẬP TRUNG GIAI ĐOẠN 2016-2020**

**I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

Quá trình thực hiện việc phân bổ vốn đầu tư công từ nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020 theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ tại Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo tính công khai, minh bạch; được đa số các cơ quan, đơn vị khối ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là cấp huyện) thống nhất cao.

Nguồn vốn áp dụng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách cho cho cấp huyện tuy không lớn so với tổng nguồn vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước, nhưng đã tạo sự chủ động cho các địa phương trong cân đối nguồn vốn đầu tư ổn định hằng năm và 5 năm, trên cơ sở đó xác định được danh mục đầu tư cần thiết, bảo đảm sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư phát triển của ngân sách Nhà nước, tạo điều kiện để thu hút các nguồn vốn khác, góp phần hạn chế nợ đọng xây dựng cơ bản.

Đảm bảo mức độ hợp lý, hài hòa trong việc đầu tư phát triển trung tâm tỉnh lỵ, thành phố, thị xã, vùng đồng bằng ven biển với tập trung hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc và các vùng khó khăn khác, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, ổn định xã hội.

Tổng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung phân bổ theo tiêu chí, định mức giai đoạn 2016 - 2020 là 4.314,9 tỷ đồng. Trong đó, nguồn vốn phân bổ cho khối ngành là 2.460,5 tỷ đồng (kể cả nguồn dự phòng, đối ứng ODA bổ sung đầu tư các chương trình Nghị quyết HĐND tỉnh); nguồn vốn phân bổ cho cấp huyện là 1.854,4 tỷ đồng.

*ĐVT: Tỷ đồng*

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số	Trong đó				
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
		<b>4.314,9</b>	<b>718,8</b>	<b>790,7</b>	<b>869,9</b>	<b>955,8</b>	<b>979,8</b>
I	Phân bổ cho khối ngành	2.460,5	418,8	460,7	506,9	545,6	528,6
II	Phân cho cấp huyện	1.854,4	300,0	330,0	363,0	410,2	451,2
1	Thành phố Tam Kỳ	123,1	19,9	21,9	24,1	27,2	29,9
2	Thành phố Hội An	100,6	16,3	17,9	19,7	22,3	24,5
3	Thị xã Điện Bàn	137,7	22,3	24,5	27,0	30,5	33,5
4	Huyện Đại Lộc	107,9	17,5	19,2	21,1	23,9	26,3
5	Huyện Duy Xuyên	87,1	14,1	15,5	17,1	19,3	21,2
6	Huyện Quế Sơn	82,0	13,3	14,6	16,1	18,1	20,0
7	Huyện Nông Sơn	82,0	13,3	14,6	16,1	18,1	20,0
8	Huyện Thăng Bình	119,7	19,3	21,3	23,4	26,5	29,1
9	Huyện Núi Thành	225,4	36,5	40,1	44,1	49,8	54,8
10	Huyện Phú Ninh	82,0	13,3	14,6	16,1	18,1	20,0
11	Huyện Hiệp Đức	82,0	13,3	14,6	16,1	18,1	20,0
12	Huyện Tiên Phước	82,0	13,3	14,6	16,1	18,1	20,0
13	Huyện Bắc Trà My	90,4	14,6	16,1	17,7	20,0	22,0
14	Huyện Nam Trà My	91,6	14,8	16,3	17,9	20,3	22,3
15	Huyện Phước Sơn	90,5	14,7	16,1	17,7	20,0	22,0
16	Huyện Nam Giang	100,1	16,2	17,8	19,6	22,1	24,3
17	Huyện Đông Giang	82,6	13,4	14,7	16,2	18,3	20,1
18	Huyện Tây Giang	87,6	14,2	15,6	17,2	19,4	21,3

## **II. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ**

Tiêu chí điểm nguồn thu nội địa và tỷ lệ điều tiết về ngân sách cấp trên càng lớn, điểm càng tăng, chưa thể hiện tính hợp lý. Thực tế 5 năm qua, có nhiều huyện hụt thu, thiếu nguồn bổ sung chi đầu tư; có huyện vượt thu được để lại bố trí vốn đầu tư lớn, trong khi đó huyện có nguồn vượt thu, điểm tiêu chí được tăng; ngược lại huyện có nguồn thu phát sinh kinh tế thấp, đa số là những huyện miền núi, điều kiện khó khăn, điểm tiêu chí càng thấp. Do đó, tỷ lệ chênh lệch điểm địa phương cao nhất so với điểm địa phương thấp nhất hơn 2,7 lần (Núi Thành cao nhất 22 điểm; các huyện thấp nhất Phú Ninh, Tiên Phước, Hiệp Đức, Nông Sơn, Quế Sơn, được nâng lên 8 điểm).

Đa số các huyện tại khu vực trung du, miền núi thấp có số liệu tính toán trên tất cả các nhóm tiêu chí đều thấp, nên tổng điểm các huyện này thuộc nhóm thấp so với mặt bằng chung toàn tỉnh. Bên cạnh đó, nhóm huyện trung du, miền núi thấp chưa có sự hỗ trợ của Trung ương theo chương trình, đề án như: 135, 30A, 30B,... nên khó khăn về nguồn vốn đầu tư. Để có sự hài hòa hỗ trợ các địa phương giữa các khu vực, khi xây dựng tiêu chí định mức cho giai đoạn 2021-2025 cần xem xét bổ sung các huyện tại khu vực trung du, miền núi thấp vào nhóm tiêu chí bổ sung để khắc phục hạn chế này.

### **Phần thứ hai**

## **CĂN CỨ PHÁP LÝ, SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

### **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

## II. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT MỚI THAY THẾ NGHỊ QUYẾT SỐ 183/NQ-HĐND NGÀY 11/12/2015 CỦA HĐND TỈNH

Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 đã thay thế Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành các quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020; Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; thời kỳ áp dụng Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh cho giai đoạn 2016-2020, vì vậy việc xây dựng và ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 theo các quy định hiện hành là cần thiết.

## III. QUAN ĐIỂM TỔ CHỨC XÂY DỰNG NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

Căn cứ các quy định của Trung ương, UBND tỉnh đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương xây dựng Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; Sở Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì xây dựng 02 phương án, báo cáo UBND tỉnh họp thông qua vào ngày 16/10/2020. Trên cơ sở đánh giá cụ thể 02 phương án đề xuất phân bổ vốn cho cấp huyện<sup>1</sup>, ý kiến góp ý của các đồng chí Thường trực HĐND tỉnh và lãnh đạo các Sở, Ban, ngành, UBND tỉnh thống nhất lựa chọn nguyên tắc phân bổ vốn cấp huyện theo phương án 1; về cách tính điểm đối với một số địa phương tại các khu vực trung du, miền núi thấp, có nguồn thu thấp, đồng thời không được hỗ trợ từ một số Chương trình, đề án của nguồn vốn Trung ương sẽ xem xét nghiên cứu vận dụng để bổ sung điểm phù hợp vào nhóm tiêu chí bổ sung.

Dự thảo gửi lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị và địa phương, đến ngày 13/11/2020 có 26 văn bản góp ý<sup>2</sup>; trong đó, có 15 văn bản của UBND cấp huyện (6 địa phương hoàn toàn đồng ý; 9 địa phương cơ bản đồng ý và đề nghị bổ sung); có 11 văn bản góp ý của cấp ngành (8 văn bản hoàn toàn đồng ý; 3 văn bản cơ bản đồng ý và đề nghị bổ sung). Tất cả các ý kiến góp ý được tổng hợp thành 6 nhóm vấn đề, được tiếp thu, giải trình như sau:

TT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu và giải trình
----	--------------	------------------------

<sup>1</sup> Phương án 1: Cơ cấu điểm của 5 nhóm tiêu chí tuân theo cơ cấu điểm từng nhóm tiêu chí của tỉnh Quảng Nam có được khi áp dụng theo định mức của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020.

Phương án 2: Cơ cấu điểm của 5 nhóm tiêu chí bằng nhau.

<sup>2</sup> Có 15 đơn vị, địa phương thống nhất hoàn toàn: Hội An, Bắc Trà My, Nam Giang, Nông Sơn, Duy Xuyên, Đông Giang, Sở NN&PTNT, Sở TNMT, Sở GDĐT, Sở TT&TT, BQL Giao thông, Kho bạc, CC Kiểm Lâm, TT Hành chính công.

1	Vấn đề về nguyên tắc xây dựng tiêu chí	
	<i>Sở Giao thông vận tải; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:</i> Bổ sung nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đối với các cơ quan, đơn vị khối ngành	Theo quy định tại Quyết định số 26 của Thủ tướng Chính phủ, có quy định việc giao vốn cho các Bộ ngành Trung ương để chủ động đầu tư quản lý theo ngành; tuy nhiên, đối với cấp tỉnh không giao vốn cho từng ngành mà xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn chung tất cả các ngành, lĩnh vực; do đó, không cần thiết xây dựng nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho khối ngành.
	<i>UBND thị xã Điện Bàn; UBND Phú Ninh:</i> Mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân Nhà nước các địa phương năm 2021 tăng tối thiểu 10% so với mức vốn được giao trong kế hoạch 2020 theo Quyết định số 4122/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam”	Nghị quyết số 973 của UBTW Quốc hội, Quyết định số 26 của Thủ tướng Chính phủ không quy định mức vốn giao năm 2021 tăng tối thiểu 10% so với mức vốn giao năm 2020. Đối với nguồn vốn NSTT, năm 2020 Trung ương giao là 1.081 tỷ đồng, năm 2020 Trung ương giao tỉnh 856 tỷ đồng, bằng 80% so với năm 2020. Vì vậy, năm 2021 tăng 10% so với năm 2020 không còn phù hợp.
2	Vấn đề về tiêu chí dân số	
	<p>- <i>UBND thị xã Điện Bàn:</i> Đề nghị điều chỉnh tiêu chí dân số “các địa phương có dân số TB trên 200.000 người, 200.000 người đầu được tính 5 điểm, phần còn lại cứ tăng thêm 10.000 người được tính thêm 0,15 điểm thay cho dự thảo là 0,1 điểm”.</p> <p>- <i>UBND huyện Phước Sơn:</i> Các địa phương có dân số trung bình từ 50.000 người trở xuống tính 2 điểm thay cho 1,5 điểm.</p>	Đã điều chỉnh theo ý kiến của huyện Phước Sơn; riêng góp ý của thị xã Điện Bàn có tiếp thu nghiên cứu chỉnh sửa không hoàn toàn đúng với số điểm theo góp ý, nhưng cơ bản theo xu hướng điểm tăng lên như sau: 200.000 người đầu được tính 7 điểm, phần còn lại cứ tăng thêm 10.000 người được tính thêm 0,2 điểm.
	- <i>UBND huyện Phước Sơn:</i> Tiêu chí số người dân tộc thiểu số, đề nghị “cứ 2.000 người dân tộc thiểu số	Theo quy định tại Quyết định số 26 của Thủ tướng Chính phủ, tiêu chí người dân tộc thiểu số tính cho tỉnh chỉ quy định 1

	<p>được tính 0,2 điểm thay cho 0,15 điểm”</p> <p>- UBND huyện Nam Trà My: cứ 2.000 người dân tộc thiểu số được tính 0,25 điểm</p> <p>- UBND huyện Hiệp Đức: Tiêu chí số người dân tộc thiểu số, đề nghị “Dưới 2.000 người dân tộc thiểu số không tính điểm, 2.000 người dân tộc thiểu số được tính 0,15 điểm, cứ tăng thêm 1.000 người tiếp theo cộng 0,075 điểm”</p>	<p>thang điểm duy nhất là 100.000 người dân tộc thiểu số được tính 0,5 điểm. Đối với tỉnh tính cho huyện, được xây dựng trên cơ sở cân đối chung theo nguyên tắc: “cơ cấu điểm của tỉnh làm chuẩn để phân chia theo cấp huyện”. Vì vậy, không thể điều chỉnh đúng theo góp ý của các huyện. Tuy nhiên, trên cơ sở cân đối cơ cấu điểm chung số với các nhóm tiêu chí, có nghiên cứu điều chỉnh lại mức điểm là 5.000 người dân tộc thiểu số tính 0,2 điểm.</p>
3	Vấn đề về tiêu chí che phủ rừng	
	<p>- UBND huyện Tây Giang: Đề nghị điều chỉnh tỷ lệ che phủ rừng trên 50% từ 1,5 điểm thành 2 điểm.</p>	Đã tiếp thu điều chỉnh
4	Vấn đề về tiêu chí đơn vị hành chính	
	<p>UBND huyện Nam Trà My: Điều chỉnh xã khu vực III lên 0,15 điểm.</p>	<p>Theo Quyết định số 26 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí đơn vị hành chính trong đó có huyện vùng cao; để áp dụng tiêu chí này thì tỉnh tính cho huyện là xã vùng cao, tuy nhiên không có quy định xã vùng cao, do đó đã xem xét đề xuất vận dụng tính xã khu vực III, mỗi xã được tính 0,07 điểm trên cơ sở cân đối điểm chung trong cơ cấu điểm của nhóm tiêu chí đơn vị hành chính</p>
5	Vấn đề về nhóm tiêu chí bổ sung	
	<p>- UBND huyện Hiệp Đức: Đề nghị nâng điểm của tiêu chí xã ATK, xã khu vực III, từ 0,075 điểm lên 0,15 điểm.</p> <p>- UBND huyện Nam Trà My: Đề nghị tăng điểm tiêu chí ATK từ 0,075 lên 0,2 điểm; điều chỉnh xã khu vực III lên 0,15 điểm.</p>	<p>Tiêu chí ATK thuộc nhóm bổ sung, có nghiên cứu điều chỉnh lại 1 xã tính 0,1 điểm đúng theo quy định tại Quyết định số 26 của Thủ tướng Chính phủ.</p>
	<p>- UBND thành phố Tam Kỳ: Bổ sung cho các địa phương xây dựng kế hoạch triển khai nâng mức tiêu chí đô thị giai đoạn 2021-2025. Nâng</p>	<p>Đề phù hợp với điều kiện phát triển của tỉnh, đã nghiên cứu điều chỉnh tiêu chí phát triển đô thị vào nhóm tiêu chí bổ sung, với trọng điểm nhỏ trên cơ sở cân</p>

	<p>lên đô thị loại I được 3 điểm, nâng lên đô thị loại II được 2,5 điểm, nâng lên đô thị loại III được 2 điểm, nâng lên đô thị loại IV được 1,5 điểm.</p> <p>- <i>UBND huyện Thăng Bình</i>: Đề nghị tăng điểm tiêu chí chưa hoàn thành cấp đô thị</p>	<p>đổi cơ cấu điểm chung.</p>
6	<p>Một số vấn đề liên quan khác</p>	
-	<p><i>UBND huyện Nam Trà My</i>: Nguồn vốn ngân sách huyện khó khăn nhưng theo phân cấp hầu hết sử dụng đối ứng thực hiện công tác GPMB các dự án trọng điểm của TW, của tỉnh triển khai trên địa bàn và đối ứng thực hiện các công trình MTQG. Do đó đề nghị trình HĐND tỉnh thống nhất hỗ trợ 100% phần kinh phí thực hiện GPMB các dự án trọng điểm của TW, của tỉnh triển khai trên địa bàn huyện</p>	<p>Tỉnh đang dự thảo phân cấp đầu tư giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện; trong đó phần bồi thường GPMB theo dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi cấp nào thì cấp đó đầu tư.</p>
-	<p><i>UBND thị xã Điện Bàn</i>: Đề nghị không tính nguồn thu từ xổ số kiến thiết, đề nghị bỏ; vì huyện không có nguồn này</p>	<p>Dự thảo không tính nguồn xổ số kiến thiết.</p>
-	<p><i>UBND huyện Hiệp Đức</i>: Đề nghị tính điểm số đơn vị hành chính cấp xã để tính toán điểm căn cứ vào số liệu công bố của Sở Nội vụ về số đơn vị hành cấp xã năm 2019.</p>	<p>Căn cứ vào số liệu Cục thống kê tỉnh công bố năm 2019, đồng thời cập nhật theo số liệu sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Quảng Nam theo Nghị quyết của UBND Quốc hội số 863/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 từ 244 xã còn 241 xã.</p>

-	<p><i>UBND huyện Tiên Phước:</i> Bổ sung tiêu chí Huyện về đích Nông thôn mới vào nhóm tiêu chí bổ sung</p>	<p>Chương trình NTM đã được bố trí hỗ trợ từ nguồn vốn chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới của TW nên không xem xét bổ sung. Tuy nhiên, đã nghiên cứu bổ sung tiêu chí cho các huyện khu vực trung du, miền núi thấp (trong đó có Tiên Phước) không được TW hỗ trợ nguồn vốn đầu tư theo các Chương trình, Đề án như 135, 30A, 30B.</p>
-	<p><i>Sở Y tế:</i> Y tế là ngành đặc thù, cần dựa vào các cơ sở pháp lý khác như đề án phát triển ngành, chủ trương đầu tư, kết luận chủ trương đầu tư đã được cấp thẩm quyền, ban hành để làm tiêu chí phụ.</p> <p>Nhiều yếu tố khách quan tác động trực tiếp đến ngành rất khó dự đoán trước như dịch bệnh mới nổi, nên cần có "tiêu chí mở" để làm cơ sở điều chỉnh khi cần.</p>	<p>Nghị quyết số 973 của UBTV Quốc hội, Quyết định số 26 của Thủ tướng Chính phủ là cơ sở pháp lý để xây dựng nguyên tắc, tiêu chí cho cấp tỉnh. Theo đó, việc phân bổ vốn đầu tư công nói chung cho bất kỳ, ngành, lĩnh vực nào (trong đó có ngành y tế) cũng phải yêu cầu có nguyên tắc, tiêu chí làm cơ sở pháp lý.</p> <p>Riêng khi xảy ra các yếu tố khách quan như thiên tai, dịch bệnh,... đã có nguồn dự phòng để triển khai thực hiện.</p>

Ngày 12/11/2020, Ban Kinh tế Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức họp cho ý kiến góp ý báo cáo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi đầu tư phát triển nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung giai đoạn 2021-2025, trong đó chủ yếu tập trung góp ý vào nhóm tiêu chí bổ sung.

### **Phần thứ ba**

#### **NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

So với Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ vốn giai đoạn 2016-2020, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ vốn giai đoạn 2021-2025, có sự khác nhau về nội dung xu hướng tính điểm của nhóm tiêu chí thu phát sinh kinh tế, đồng thời bổ sung thêm một số tiêu chí trong nhóm tiêu chí bổ sung, cụ thể:



Nhóm tiêu chí	Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14; QĐ số 26/2020/QĐ-TTg
Nhóm tiêu chí dân số (1)	Số dân số càng lớn thì điểm càng <b>tăng</b>	Số dân số càng lớn thì điểm càng <b>tăng</b>
Nhóm tiêu chí về trình độ phát triển (2)	Số thu nội địa, tỷ lệ điều tiết về ngân sách cấp trên càng lớn thì điểm càng <b>tăng</b>	Số thu nội địa, tỷ lệ điều tiết về ngân sách cấp trên càng lớn thì điểm càng <b>giảm</b>
Nhóm tiêu chí diện tích (3)	Diện tích càng lớn thì điểm càng <b>tăng</b>	Diện tích càng lớn thì điểm càng <b>tăng</b>
Nhóm tiêu chí đơn vị hành chính (4)	Số đơn vị hành chính càng lớn thì điểm càng <b>tăng</b>	Số đơn vị hành chính càng lớn thì điểm càng <b>tăng</b>
Nhóm tiêu chí bổ sung (5)	Xã biên giới, xã an toàn khu kháng chiến, xã an toàn khu lịch sử (ATK)	Bổ sung một số tiêu chí về vùng, miền, khu vực trọng điểm.
<b>Đánh giá sơ bộ</b>	<p>- Nhóm (1;2) tăng, điểm sẽ ưu tiên cho khu vực đồng bằng, khu phát triển.</p> <p>- Nhóm (3;4) tăng, điểm sẽ ưu tiên cho khu vực miền núi.</p> <p><b>Như vậy:</b> Khu vực miền núi và đồng bằng có nhóm điểm ưu tiên cân bằng nhau.</p>	<p>- Nhóm (1) tăng, điểm sẽ ưu tiên cho khu vực đồng bằng</p> <p>- Nhóm (2) giảm và nhóm (3,4) tăng, điểm sẽ ưu tiên cho khu vực miền núi.</p> <p><b>Như vậy:</b> Khu vực miền núi có xu hướng điểm ưu tiên hơn khu vực đồng bằng.</p>

Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 như sau:

## I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nguyên tắc, tiêu chí và định mức chi đầu tư phát triển nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung giai đoạn 2021-2025 là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

### 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Các tổ chức, cơ quan, đơn vị và địa phương sử dụng vốn ngân sách nhà nước có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

## **II. NGUYÊN TẮC, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG**

Trên cơ sở mức vốn cân đối ngân sách tỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao, đối với ngân sách tỉnh quản lý (không bao gồm các nguồn thu từ sử dụng đất, số xổ kiến thiết; vượt thu, tăng thu, tiết kiệm chi, cải cách tiền lương; nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài), sau khi thực hiện phân bổ cho các khoản chi chung, phần còn lại được phân bổ theo tỷ lệ giữa cấp tỉnh và cấp huyện; cụ thể:

- Các khoản chi chung khoảng 40% được phân bổ cho các khoản sau: Dự phòng; đối ứng các chương trình, dự án ODA; hỗ trợ đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP); thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh; các dự án quan trọng, dự án cấp bách theo Kết luận của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh.

- Mức vốn còn lại 60%, được xem là 100%: Phân bổ 50% cho các ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; phân bổ 50% cho cấp huyện.

## **III. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG CHO CẤP HUYỆN**

### **1. Nguyên tắc xác định các tiêu chí và định mức**

- Tuân thủ theo các nguyên tắc quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời bổ sung một số tiêu chí vào nhóm bổ sung để phù hợp với điều kiện phát triển thực tế của tỉnh.

- Cơ cấu điểm theo 5 nhóm tiêu chí đảm bảo tương đương với cơ cấu điểm theo từng nhóm điểm tỉnh Quảng Nam có được khi áp dụng theo định mức tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ<sup>3</sup>.

- Bảo đảm tương quan hợp lý giữa trung tâm tỉnh lỵ, thành phố, thị xã, vùng đồng bằng ven biển với việc tích cực hỗ trợ các vùng trung du miền núi thấp, vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc và các vùng khó khăn.

### **2. Tiêu chí, định mức**

Tiêu chí, định mức phân bổ chi đầu tư phát triển nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung cho cấp huyện, gồm 05 nhóm tiêu chí sau:

a) Nhóm tiêu chí dân số, gồm 2 tiêu chí: Dân số trung bình; số người dân tộc thiểu số. Cách tính điểm như sau:

<sup>3</sup> Số liệu của tỉnh cơ bản là tổng số liệu của cấp huyện, việc xác định cơ cấu điểm của tỉnh làm khung cứng để xây dựng thang điểm cho cấp huyện nhằm đảm bảo tính logic về số học và thể hiện tính công bằng.

## (1) Điểm của tiêu chí dân số trung bình:

Số dân trung bình	Điểm
Các địa phương có dân số trung bình từ 50.000 người trở xuống được tính	2
Các địa phương có dân số trung bình trên 50.000 người đến 100.000, phần 50.000 người đầu được tính 2 điểm, phần còn lại được cộng thêm theo định mức bình quân 10.000 người được	0,4
Các địa phương có dân số trung bình trên 100.000 người đến 200.000, phần 100.000 người đầu được tính 4 điểm, phần còn lại được cộng thêm theo định mức bình quân 10.000 người được	0,3
Các địa phương có dân số trung bình trên 200.000 người, 200.000 người đầu được tính 7 điểm, phần còn lại được cộng thêm theo định mức bình quân 10.000 người được	0,2

Dân số trung bình của các địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam năm 2019.

## (2) Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số:

Số người dân tộc thiểu số	Điểm
Tính bình quân theo định mức 5.000 người dân tộc thiểu số được	0,2

Số người dân tộc thiểu số để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu cập nhập năm 2019 của Ban Dân tộc tỉnh cung cấp tại Công văn số 683/BDT-CSDT ngày 13/10/2020.

b) Nhóm tiêu chí về trình độ phát triển, gồm 04 tiêu chí: Tỷ lệ hộ nghèo; số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, số xóa kiến thiết); tỷ lệ ngân sách cấp huyện điều tiết về ngân sách cấp trên; tỷ lệ bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp tỉnh so với tổng chi ngân sách cấp huyện (bao gồm xã). Cách tính điểm như sau:

## (1) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Tính tỷ lệ bình bình quân theo định mức 5% hộ nghèo được	0,1

Tỷ lệ hộ nghèo để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố tại Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 10/02/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam.

(2) Điểm của tiêu chí số thu nội địa (không bao gồm nguồn thu từ sử dụng đất, số xổ kiến thiết):

Số thu nội địa	Điểm
Các địa phương có số thu nội địa từ 0 đến 100 tỷ đồng được tính	1
Các địa phương có số thu nội địa trên 100 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng được tính	0,5
Các địa phương có số thu nội địa trên 1.000 tỷ đồng đến 3.000 tỷ đồng được tính	0,25
Các địa phương có số thu nội địa trên 3.000 tỷ đồng được tính	0,1

Số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, số xổ kiến thiết) để tính toán điểm được xác định căn cứ vào dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từng huyện, thị xã, thành phố theo lĩnh vực năm 2020 theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh (Biểu 32)

(3) Điểm của tiêu chí tỷ lệ ngân sách cấp huyện điều tiết về ngân sách cấp trên:

Tỷ lệ điều tiết về ngân sách cấp trên	Điểm
Các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách cấp trên từ trên 0 đến 50% được tính	1
Các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách cấp trên 50% trở lên được tính	0,5

Số liệu để tính toán điểm về tỷ lệ ngân sách cấp huyện điều tiết về ngân sách cấp trên (tỉnh, Trung ương) căn cứ theo khoản 2, Điều 4 Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức chi thường xuyên ngân sách các cấp thuộc ngân sách địa phương năm 2017, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

(4) Điểm của tiêu chí tỷ lệ bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh so với tổng chi ngân sách cấp huyện (bao gồm xã).

Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh	Điểm
Các địa phương có tỷ lệ bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh trên 0% đến 10% được	1
Các địa phương có tỷ lệ bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh trên 10% đến 30%, phần 10% đầu được tính 1 điểm, phần còn lại được cộng thêm theo tỷ lệ bình quân 10% được	0,2
Các địa phương có tỷ lệ bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh từ trên 30% đến 50%, phần 30% đầu được tính 1,4 điểm, phần còn lại được cộng thêm theo tỷ lệ bình quân 10% được	0,1
Các địa phương có tỷ lệ bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh trên 50%, phần 50% đầu được tính 1,6 điểm, phần còn lại được cộng thêm theo tỷ lệ bình quân 10% được	0,05

Số liệu dự toán ngân sách cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách từng huyện, thị xã, thành phố năm 2020 và số liệu dự toán chi ngân sách từng huyện, thị xã, thành phố năm 2020 căn cứ để tính toán điểm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh (Biểu số 41, Biểu số 42).

c) Nhóm tiêu chí diện tích, gồm 02 tiêu chí: Tiêu chí diện tích đất tự nhiên; tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng. Cách tính điểm như sau:

(1) Điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên:

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Các địa phương có diện tích tự nhiên đến 300 km <sup>2</sup> được	2,5
Các địa phương có diện tích tự nhiên từ trên 300 km <sup>2</sup> đến 500 km <sup>2</sup> , phần 300 km <sup>2</sup> đầu được tính 2,5 điểm, phần còn lại được cộng thêm theo định mức bình quân 100 km <sup>2</sup> được	0,5
Các địa phương có diện tích tự nhiên từ trên 500 km <sup>2</sup> đến 1.000 km <sup>2</sup> , phần 500 km <sup>2</sup> đầu được tính 3,5 điểm, phần còn lại được cộng thêm theo định mức bình quân 100 km <sup>2</sup> được	0,2
Các địa phương có diện tích tự nhiên từ trên 1.000 km <sup>2</sup> , phần 1.000 km <sup>2</sup> đầu được tính 4,5 điểm, phần còn lại được cộng thêm theo định mức bình quân 100 km <sup>2</sup> được	0,1

Diện tích đất tự nhiên của các địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam năm 2019.

(2) Điểm của tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng:

Tỷ lệ che phủ rừng	Điểm
Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng đến 10% được tính	0,5
Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng trên 10% đến 50% được tính	1
Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng trên 50% được tính	2

Tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố hiện trạng rừng năm 2019 của UBND tỉnh Quảng Nam tại Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2020.

d) Nhóm tiêu chí về đơn vị hành chính, có 4 tiêu chí: Số đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn (gọi chung là đơn vị hành chính cấp xã); xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi; xã khu vực III<sup>4</sup>, xã đảo; xã biên giới đất liền. Cách tính điểm như sau:

(1) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã:

Đơn vị hành chính cấp xã	Điểm
Mỗi xã, phường, thị trấn được tính	0,07

Số đơn vị hành chính cấp huyện để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam năm 2019 và Nghị quyết số 863/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của UB Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Nam<sup>5</sup>.

(2) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Đơn vị hành chính xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Điểm
Mỗi xã được tính	0,07

(3) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính xã khu vực III, xã đảo.

<sup>4</sup> Theo Quyết định số 26 của Thủ tướng Chính phủ có tiêu chí huyện vùng cao; tuy nhiên, đối với cấp xã không có quy định xã vùng cao, do đó đề xuất thay thế bằng tiêu chí xã khu vực III

<sup>5</sup> Xã Quế Cường và xã Phú Thọ nhập thành xã Quế Mỹ; xã Quế Phước và xã Quế Ninh nhập thành xã Phước Ninh; thị trấn Tân An và xã Quế Bình nhập thành thị trấn Tân Bình.

Đơn vị hành chính xã khu vực III, xã đảo	Điểm
Mỗi xã được tính	0,07

## (4) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính xã biên giới đất liền.

Đơn vị hành chính xã biên giới đất liền.	Điểm
Mỗi xã được tính	0,07

Số xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu phê duyệt xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi tại Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

## e) Nhóm tiêu chí bổ sung:

Địa phương	Điểm
01 xã đảo	0,05
01 xã biên giới đất liền (Việt Nam – Lào)	0,05
01 xã thuộc vùng căn cứ cách mạng ATK kháng chiến (ATK lịch sử)	0,05
Địa phương thuộc khu vực đồng bằng	1,5
Địa phương thuộc khu vực, đồng bằng, trung du, miền núi thấp có điều kiện khó khăn, chưa có chính sách hỗ trợ như các địa phương khác	3
Địa phương thuộc khu vực miền núi cao	2
Địa phương chưa có trung tâm thị trấn	2
Chưa hoàn thành cấp độ thị theo Kết luận số 38 của Tỉnh ủy, mỗi đô thị chưa hoàn thành được tính	1
Địa phương phát triển lên đô thị loại I theo Nghị quyết của Tỉnh ủy	2

- Số liệu các xã ATK được xác định căn cứ vào số liệu tại các Quyết định số 164/QĐ-TTg ngày 07/02/2017, số 1805/QĐ-TTg ngày 21/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 24/02/2010 của UBND tỉnh Quảng Nam.

- Số liệu xác định các khu vực như sau:

+ Địa phương thuộc khu vực đồng bằng gồm: Tam Kỳ, Hội An, Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên, Thăng Bình, Núi Thành;

+ Địa phương thuộc khu vực đồng bằng, trung du, miền núi thấp có điều kiện khó khăn, chưa có chính sách hỗ trợ như các địa phương khác, gồm: Tiên Phước, Hiệp Đức, Nông Sơn, Quế Sơn, Phú Ninh;

+ Địa phương thuộc khu vực miền núi cao gồm: Nam Trà My, Bắc Trà My, Phước Sơn, Nam Giang, Đông Giang, Tây Giang.

- Căn cứ thực trạng phát triển đô thị, xác định có 03 địa phương chưa có thị trấn: Nam Trà My, Tây Giang, Nông Sơn.

- Bổ sung cho các địa phương thực hiện chưa hoàn thành cấp đô thị theo Kết luận số 38-KL/TU ngày 19/7/2016 của Tỉnh ủy về phát triển đô thị giai đoạn 2016-2020. Căn cứ thực trạng phát triển đô thị, xác định có 9 đô thị chưa hoàn cấp đô thị gồm: Hội An, Núi Thành, Nam Phước, Ái Nghĩa, Hà Lam, Thạnh Mỹ, Khâm Đức, Bình Minh, Duy Hải - Duy Nghĩa.

- Số liệu xác định phát triển đô thị Tam Kỳ lên đô thị loại I vào năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Quảng Nam lần thứ XXII.

### **3. Phương pháp tính mức vốn được phân bổ**

a) Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là địa phương) và tổng số điểm của 18 địa phương làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương, theo các công thức sau:

(1) Điểm của nhóm tiêu chí dân số

- Gọi tổng số điểm nhóm tiêu chí dân số chung của địa phương thứ  $i$  là  $A_i$

- Gọi số điểm của dân số của địa phương thứ  $i$  là  $h_i$ .

- Gọi số điểm của số dân là người dân tộc thiểu số của địa phương thứ  $i$  là  $k_i$ .

Điểm của nhóm tiêu chí dân số địa phương thứ  $i$  là:

$$A_i = h_i + k_i$$



## (2) Điểm của nhóm tiêu chí trình độ phát triển

- Gọi tổng số điểm nhóm tiêu chí trình độ phát triển của địa phương thứ  $i$  là  $B_i$ .

- Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của địa phương thứ  $i$  là  $n_i$ .

- Gọi số điểm của tiêu chí thu nội địa (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, số xổ kiến thiết) của địa phương thứ  $i$  là  $p_i$ .

- Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ điều tiết về ngân sách cấp trên của địa phương thứ  $i$  là  $q_i$ .

- Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh so với tổng chi ngân sách cấp địa phương là  $r_i$ .

Điểm của nhóm tiêu chí trình độ phát triển của địa phương thứ  $i$  là:

$$B_i = n_i + p_i + q_i + r_i.$$

## (3) Điểm của nhóm tiêu chí diện tích

- Gọi tổng số điểm của nhóm tiêu chí diện tích của địa phương thứ  $i$  là  $C_i$ .

- Gọi số điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên của địa phương thứ  $i$  là  $m_i$ .

- Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng của địa phương thứ  $i$  là  $l_i$ .

Điểm của nhóm tiêu chí diện tích của địa phương thứ  $i$  là:

$$C_i = m_i + l_i.$$

## (4) Điểm của nhóm tiêu chí đơn vị hành chính

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã của địa phương là  $D_i$ .

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ  $i$  là  $s_i$

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi của địa phương thứ  $i$  là  $t_i$ .

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính xã khu vực III, xã đảo của địa phương thứ  $i$  là  $u_i$ .

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính xã biên giới đất liền của địa phương thứ  $i$  là  $v_i$ .

Tổng số điểm của nhóm tiêu chí đơn vị hành chính địa phương thứ  $i$  sẽ là  $D_i$ :

$$D_i = s_i + t_i + u_i + v_i$$

(5) Điểm của địa phương có tiêu chí bổ sung là  $E_i$ .

Gọi tổng số điểm của địa phương thứ  $i$  là  $X_i$ :

$$X_i = A_i + B_i + C_i + D_i + E_i$$

Gọi tổng số điểm của 18 huyện, thị xã, thành phố là  $Y$ , ta có:

b) Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ được tính theo công thức:

Gọi  $K$  là tổng số nguồn vốn đầu tư phát triển được phân bổ trong dự toán cho ngân sách cấp huyện.

$Z$  là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn đầu tư, ta có:

c) Tổng nguồn vốn chi đầu tư phát triển nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố được theo công thức:

Gọi  $V_i$  là số vốn trong cân đối:  $V_i = Z \times X_i$

Kính báo cáo HĐND tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 19./.

*(Báo cáo này thay thế Báo cáo số 170/BC-UBND ngày 26/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam)*

**Nơi nhận:**

- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế ngân sách – HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTTH, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Trí Thanh**